

BẢNG TIN KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

Nhiệm vụ: Giám sát chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi sông Cầu, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp.

Đơn vị thực hiện: Phòng Thí nghiệm và Tư vấn quản lý Chất lượng Nước, Môi trường – Viện Quy hoạch Thủy lợi

Thời gian: Đợt 2 (tháng 2/2018)

T T	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường									Khuyến cáo
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni -N (mg/l)	Nitrat -N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9	15		
1	1	Cổng lấy nước Đá Gân (cổng 10 cửa)	Trời nhiều mây, t° = 12°C, độ ẩm 57%, gió ĐDB 6 km/h. Dòng chảy nhanh, cổng mở 5 cửa. Ngoài đập Thác Huông không có dòng chảy qua đập.	Nước màu lục, đục.	8.04	18.5	6.23	0.1	0.598	0.900	222	Đủ điều kiện dùng cho tưới tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
2	2	Cổng điều tiết Lữ Yên	Trời nhiều mây, t° = 12°C, độ ẩm 60%, gió ĐB 6 km/h. Dòng chảy nhanh, cổng mở 2 cánh.	Nước màu lục, đục.	7.96	26.4	6.3	0.2	0.373	0.731	279	Đủ điều kiện dùng cho tưới tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
3	3	Cổng điều tiết Lữ Vân	Trời hừng nắng, t° = 14°C, độ ẩm 57%, gió ĐĐN 6 km/h. Dòng chảy chậm, cổng	Nước màu xanh lục.	7.9	18	6.36	0.1	0.249	1.067	224	Đủ điều kiện dùng cho tưới tiêu thủy lợi. Đủ điều kiện bảo tồn

T T	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Khuyến cáo	
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni -N (mg/l)	Nitrat -N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9	15		
			mở hé 2 cánh. Thượng lưu công có nhiều váng bẩn.									động, thực vật thủy sinh.
4	4	Công điều tiết Vân Cầu	Trời nhiều mây, t° = 15°C, độ ẩm 55%, gió ĐB 3 km/h. Dòng chảy chậm, công mở hé 2 cánh.	Nước màu xanh lục.	7.79	26.9	7.6	0.1	0.474	1.076	223	Đủ điều kiện dùng cho tưới tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
5	5	Công điều tiết Bi Nội	Trời nhiều mây, t° = 15°C, độ ẩm 57%, gió ĐB 3 km/h. Dòng chảy chậm, công mở hé 2 cánh. Thượng lưu công nhiều váng bẩn.	Nước màu lục.	7.97	26.4	7.85	0.1	0.583	1.152	223	Đủ điều kiện dùng cho tưới tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
6	6	Công điều tiết Mỏ Thổ	Trời nhiều mây, t° = 16°C, độ ẩm 56%, gió ĐB 3 km/h. Dòng chảy vừa, công mở 1 cánh.	Nước màu lục, đục.	8.04	27.9	7.67	0.1	0.210	1.235	221	Đủ điều kiện dùng cho tưới tiêu thủy lợi. Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
7	7	Công điều tiết Điểm Tổng	Trời nhiều mây, t° = 16°C, độ ẩm 58%, gió ĐB 3 km/h. Dòng chảy chậm, công mở hé 1 cánh. Thượng	Nước màu xanh lục.	8.2	10.5	8.45	0.1	0.140	1.478	219	Đủ điều kiện dùng cho tưới tiêu thủy lợi. Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.

T T	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường									Khuyến cáo
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni -N (mg/l)	Nitrat -N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9	15		
			lưu công có rác thải, nước có hiện tượng phú dưỡng.									
8	8	Cổng lấy nước đầu kênh N2	Trời nhiều mây, t° = 13°C, độ ẩm 56%, gió ĐDB 6 km/h. Dòng chảy vừa, công mở.	Nước màu vàng lục.	7.9	28.2	6.64	0.1	0.280	0.819	228	Đủ điều kiện dùng cho trước tiêu thủy lợi. Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
9	9	Cổng điều tiết Lăng Trình	Trời hửng nắng, t° = 13°C, độ ẩm 56%, gió ĐDB 6 km/h. Dòng chảy vừa, công mở.	Nước màu vàng lục.	7.93	27.4	6.48	0.1	0.280	0.986	225	Đủ điều kiện dùng cho trước tiêu thủy lợi. Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
10	10	Cổng điều tiết Kè Thường	Trời nắng, t° = 19°C, độ ẩm 50%, gió NĐN 6 km/h. Cổng mở, dòng chảy chậm. Có nhiều rác ở thượng lưu công.	Nước màu vàng lục.	8.1	21.1	8.1	0.1	0.451	1.181	240	Đủ điều kiện dùng cho trước tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
11	11	Cổng điều tiết Kè Thẽ	Trời nhiều mây, t° = 17°C, độ ẩm 54%, gió ĐN 6 km/h. Dòng chảy chậm, công mở hé 2 cánh. Thượng lưu công có nhiều rác	Nước màu xanh lục.	7.92	25	6.8	0.1	0.466	1.098	228	Đủ điều kiện dùng cho trước tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.

T T	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường									Khuyến cáo
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni -N (mg/l)	Nitrat -N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9	15		
			thải, váng bẩn đọng lại.									
12	12	Cống điều tiết Kè Non	Trời nhiều mây, t° = 17°C, độ ẩm 61%, gió Đông 3 km/h. Dòng chảy chậm, cống mở hé 2 cánh. Thượng lưu cống có rác thải.	Nước màu xanh lục.	7.88	16.9	7.27	0.1	0.917	1.170	213	Không đủ điều kiện dùng cho tưới tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
13	13	Cuối kênh N5 tại chợ Mọc	Trời nhều mây, t° = 17°C, độ ẩm 55%, gió Đông 3 km/h. Dòng chảy chậm. Xung quanh đang san mặt bằng xây dựng khu dân cư.	Nước màu lục.	8.17	29.2	8.5	0.1	0.660	1.361	225	Đủ điều kiện dùng cho tưới tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
14	14	Cống điều tiết An Cập	Trời nắng, t° = 18°C, độ ẩm 56%, gió ĐN 6 km/h. Dòng chảy vừa, cống mở.	Nước màu lục, đục.	7.93	38.3	7.25	0.1	0.513	1.127	241	Đủ điều kiện dùng cho tưới tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
15	15	Cống Kè Tràng trên kênh N3	Trời nắng, t° = 19°C, độ ẩm 51%, gió NĐN 6 km/h. Dòng chảy chậm, cống mở hé 2 cánh. Trên kênh	Nước màu lục.	7.89	14.9	7.13	0.1	0.404	1.310	232	Đủ điều kiện dùng cho tưới tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy

T T	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường									Khuyến cáo
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni -N (mg/l)	Nitrat -N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
					6 – 8.5		6		0.3	2		
					6 – 8.5		5		0.3	5		
					5.5 – 9		4		0.9	10		
					5.5 – 9		2		0.9	15		
				nhiều rác thải.								sinh.

Ghi chú:

QCVN 08:2015 A1: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt – giới hạn A1: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (sau khi áp dụng xử lý thông thường), bảo tồn động thực vật thủy sinh và các mục đích khác như loại A2, B1, B2.

QCVN 08:2015 A2: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt – giới hạn A2: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng phải áp dụng công nghệ xử lý phù hợp hoặc các các mục đích sử dụng như B1 và B2.

QCVN 08:2015 B1: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước mặt – giới hạn B1: Dùng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng tương tự hoặc các mục đích sử dụng như B2.

QCVN 08:2015 B2: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước mặt – giới hạn B2: Giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu nước chất lượng thấp.